

Số: /QĐ-BNN-TL Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự án thành phần số 8: Hồ chứa nước ngọt đảo Thổ Châu (Thổ Chu) - Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; số 39/2019/QH14; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15; Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn số 3356/QĐ-BNN-KH ngày 26 tháng 07 năm 2021; số 3462/QĐ-BNN-KH ngày 13/9/2022; số 4974/QĐ-BNN-KH ngày 21/12/2022 về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn;

Căn cứ Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường số 2917/QĐ-BTNMT ngày 31/10/2022 phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm

nhập mặn, trong đó có dự án thành phần số 8 Hồ chứa nước ngọt đảo Thổ Châu;

Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh Kiên Giang số 3470/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ văn bản của Bộ Quốc phòng số 4889/BQP-TM ngày 07/12/2021 về việc chủ trương bàn giao đất quốc phòng cho địa phương quản lý sử dụng tại xã Thổ Châu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ văn bản của Thủ tướng Chính phủ số 633/TTg-NN ngày 17/8/2024 về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện Dự án trên địa bàn Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Văn bản của UBND tỉnh Kiên Giang số 2163/UBND-KT ngày 08/10/2024 và số 265/UBND-KT ngày 13/2/2025 về việc thống nhất quy mô, đề nghị phê duyệt Dự án và phương án tổ chức quản lý khai thác tài sản kết cấu hạ tầng sau đầu tư đối với công trình Hồ chứa nước ngọt đảo Thổ Châu (Thổ Chu), tỉnh Kiên Giang;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang tại Tờ trình số 125/TTr-BQLDA ngày 24/9/2024 và báo cáo số 36/BC-BQLDA ngày 13/2/2025 về việc thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần số 8 Hồ chứa nước ngọt đảo Thổ Châu (Thổ Chu), kèm theo các Báo cáo thẩm tra số 53/BCTT-HEC3 ngày 10/9/2024 của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi 3;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch kèm theo Báo cáo thẩm định số 1505/TL-ĐTĐD ngày 10/10/2024 và số 193/TL-ĐTĐD ngày 14/02/2025 của Cục Thủy lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án thành phần số 8 Hồ chứa nước ngọt đảo Thổ Châu (Thổ Chu) thuộc Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án thành phần số 8 Hồ chứa nước ngọt đảo Thổ Châu (Thổ Chu).

2. Người quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ:

4.1. Mục tiêu: Xây dựng công trình trữ nước cho vùng khan hiếm nước.

4.2. Nhiệm vụ: Cấp nước sinh hoạt cho 6.000 dân, cấp nước phục vụ cho khoảng 700 tàu cá và góp phần khai thác hiệu quả tài nguyên, phát triển du lịch đảo.

5. Quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng 01 hồ trữ nước và hệ thống cấp nước, cụ thể như sau.

5.1. Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
I	Thông số của hồ chứa		
1	Diện tích lưu vực tổng cộng	km ²	1,67
2	Dung tích hồ	10 ³ m ³	210,41
3	Dung tích hiệu dụng	10 ³ m ³	204,18
4	Dung tích chết	10 ³ m ³	6,23
5	Mực nước chết	m	+ 8,10
6	Mực nước dâng bình thường	m	+ 23,55
7	Mực nước lũ thiết kế, P = 1,5%	m	+ 24,23
8	Mực nước lũ kiểm tra, P = 0,5%	m	+ 24,34
9	Chế độ điều tiết		Điều tiết năm
II	Đập ngăn		
1	Hình thức đập		Đập bê tông trọng lực
2	Cao trình đỉnh đập	m	+24,85
3	Chiều cao đập lớn nhất	m	24,4
4	Chiều dài đập (Không kể phần đập tràn)	m	160,2
5	Bề rộng mặt đập	m	3,0
6	Hệ số mái thượng, hạ lưu		0 và 0,75
7	Kết cấu đập		Bê tông, BTCT
III	Tràn xả lũ		
1	Hình thức tràn		Tràn tự do, ngưỡng Labyrinth

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
2	Cao trình ngưỡng tràn	m	+ 23,55
3	Chiều rộng tràn	m	20,0
4	Lưu lượng xả lũ thiết kế (1,5%)	m ³ /s	35,92
5	Hình thức tiêu năng		Tiêu năng mặt
6	Kết cấu tràn		BTCT M30
IV	Cống lấy nước		
1	Hình thức cống		Cống ngầm chảy có áp
2	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	0,028
3	Cao trình ngưỡng cửa vào cống	m	+7,10
4	Khẩu độ cống	mm	D300
5	Kết cấu		Ống thép
6	Hình thức đóng mở		Van khóa hạ lưu
V	Hệ thống cấp nước		
1	Trạm xử lý cấp nước		01 trạm
2	Tuyến ống dẫn chính		
a	Tuyến ống về Bãi Ngự		
	+ Chiều dài	m	5.384
	+ Đường kính ngoài ống	mm	D250
b	Tuyến ống về Bãi Dong		
	+ Chiều dài	m	1.130
	+ Đường kính ngoài ống	mm	D110
3	Tuyến ống nhánh		
	+ Tổng chiều dài	m	32.000
	+ Đường kính ngoài ống	mm	D32 - D90
VI	Nhà quản lý		01 nhà QL
1	Quy mô		Nhà cấp IV
2	Vị trí xây dựng		Vai phải đập
3	Diện tích xây dựng	m ²	80,0
4	Diện tích khuôn viên	m ²	200,0

5.2. Kết cấu các công trình:

a) Công trình đầu mối

- Xử lý thấm và gia cố nền bằng biện pháp khoan phụt (*dọc tim đập kéo dài sang 2 vai đồi*).

- Đập ngăn: Đập bê tông trọng lực, mặt cắt cơ bản dạng tam giác; khối thượng lưu đập bằng BTCT M30, hạ lưu bằng BT M15 và M20; bố trí hành lang thoát nước, kiểm tra và thiết bị quan trắc thấm, lún, chuyển vị.

- Trần xả lũ: Tự do, ngưỡng tràn dạng Labyrinth, kết cấu mặt tràn bằng BTCT M30; tiêu năng kiểu mũi phun; bố trí cầu giao thông tại ngưỡng tràn, tải trọng 0,5HL93. Nối tiếp sau bể là cống qua đường dẫn nước thẳng ra biển, kết cấu BTCT M30.

- Cống lấy nước: Bố trí trong thân đập, chảy có áp, kết cấu ống thép dày 10mm, đóng mở bằng van hạ lưu; thượng lưu bố trí lưới chắn rác.

- Lòng hồ: Gia cố lòng hồ bằng các tấm bê tông, phía dưới có hệ thống lọc; xung quanh đường viền lòng hồ bố trí tường chắn bằng BTCT và đường quản lý vận hành.

- Khu quản lý và hệ thống điện:

+ Nhà quản lý: Bên vai phải đập, nhà cấp IV, diện tích 80 m², cột dầm sàn bằng BTCT, tường xây gạch, bố trí khuôn viên, tường rào, cổng và trang thiết bị quản lý.

+ Làm hệ thống điện năng lượng mặt trời phục vụ quản lý vận hành, 01 máy phát điện dự phòng và các công trình phụ trợ.

b) Hệ thống cấp nước.

- Trạm xử lý nước: Xây dựng 1 trạm tập trung tại hạ lưu bên phải đập với công suất 1751,4 m³/ng.đ, gồm các hạng mục: trạm bơm, bể phản ứng cơ khí, bể lắng Lamén, bể lọc, bể chứa nước sạch, nhà clo, bể chứa bùn.

- Xây dựng 2 tuyến ống dẫn về Bãi Dong và Bãi Ngự, tổng chiều dài 6,514 km, đường kính từ (Φ110 - Φ250) mm, bằng ống HDPE.

- Xây dựng hệ thống ống nhánh: Tổng chiều dài dài 32,0 km, đường kính từ (Φ32 - Φ90) mm, bằng ống HDPE và các linh kiện phụ trợ.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH tư vấn Trường Đại học Thủy lợi.

7. Địa điểm xây dựng: Tại đảo Thổ Chu, xã Thổ Châu, Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

8. Loại, cấp công trình chính

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Cấp công trình và các chỉ tiêu thiết kế:

Các công trình	Cấp công trình		Tần suất		Mức đảm bảo cấp nước SH
	Đầu mối	Đường ống dẫn	Lũ thiết kế	Lũ kiểm tra	
Hồ Thổ Châu	III	IV	1,5%	0,5%	90%

9. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước.

- Thiết kế cơ sở.
- Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04 - 05 : 2022/BNNPTNT Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12845 : 2020 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo NCKT, Báo cáo NCKT và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8477 : 2018 Công trình thủy lợi – Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8478 : 2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12571 : 2018 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung công tác khảo sát, tính toán thủy văn giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9137 : 2023 Công trình thủy lợi - Đập bê tông và bê tông cốt thép;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8645 : 2019 Công trình thủy lợi - Thiết kế, thi công và nghiệm thu khoan phụt vữa xi măng vào nền đá.
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4253 : 2012 Công trình thủy lợi - nền các công trình thủy công - yêu cầu thiết kế;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2737 : 2006 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9147 : 2012 Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5574 : 2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Các tiêu Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam liên quan khác.

11. Tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư được duyệt tính theo mặt bằng giá tháng 7 năm 2024 của tỉnh Kiên Giang là: **280.000.000.000 đồng**

(Hai trăm tám mươi tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB:	2.560.522.000 đ
- Chi phí xây dựng:	209.770.137.000 đ
- Chi phí thiết bị:	5.611.014.000 đ
- Chi phí quản lý dự án:	4.731.750.000 đ
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	17.623.632.000 đ
- Chi phí khác:	5.216.294.000 đ
- Chi phí dự phòng:	34.486.651.000 đ

(Chi tiết xem tại Phụ lục kèm theo)

12. Tiến độ thực hiện dự án:

- Chuẩn bị dự án: 2021 - 2024.
- Thực hiện dự án: 4 năm kể từ năm đầu tiên được bố trí vốn thực hiện dự án.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Bồi thường giải phóng mặt bằng:

- Diện tích đền bù giải phóng mặt bằng là 4,804 ha.
- Dự án không phải thực hiện tái định cư.

16. Lưu ý trong giai đoạn thiết kế BVTC

- Rà soát, bổ sung khảo sát kỹ hiện trạng, thủy văn, địa hình, địa chất,...theo đúng quy định hiện hành để nghiên cứu, tính toán ổn định, kết cấu, lựa chọn được quy mô, vị trí, giải pháp tối ưu cho từng hạng mục, đảm bảo an toàn tuyệt đối công trình, hiệu quả kinh tế, thuận lợi khi khai thác vận hành; một số lưu ý cụ thể:

+ Về giải pháp chống thấm và gia cố nền: Rà soát, tính toán lại chiều sâu, mật độ xử lý đảm bảo phù hợp với thực tế và các tiêu chuẩn hiện hành.

+ Vùng lòng hồ: Khảo sát, đánh giá kỹ hơn về địa chất thủy văn, làm rõ vấn đề mất nước lòng hồ (nếu có), đề xuất giải pháp tối ưu. Rà soát, tính toán kết cấu hạng mục gia cố lòng hồ, phân loại cách thức xử lý đối với từng loại nền, tránh hiện tượng đẩy nổi. Xem xét thêm các giải pháp để bổ sung thêm nguồn nước cho vùng hồ (nếu có).

+ Đập ngăn: Tính toán tối ưu mặt cắt, kết cấu đập, hình thức khớp nối, hành lang, ống thoát nước; lựa chọn mác, cấp phối bê tông, phụ gia phù hợp với điều kiện công trình (chống thấm, ngoài đảo xa, sát biển), đảm bảo ổn định tuyệt đối, bền vững lâu dài.

+ Tràn xả lũ và kênh xả: Rà soát, tính toán tối ưu khẩu độ tràn, công qua đường, hình thức tiêu năng; tính toán các kết cấu, đảm bảo ổn định.

+ Cống lấy nước: Tính toán, lựa chọn chất lượng thép, sơn cho ống cống, khớp nối, khe van, loại van,.. phù hợp với loại công trình trên đảo, ven biển, bảo đảm bền vững lâu dài, vận hành thuận lợi.

+ Bổ sung tính toán cụ thể hạng mục hệ thống điện, lưu ý về lựa chọn thiết bị của hệ thống điện năng lượng mặt trời, thời gian bảo hành, bảo dưỡng, tác động đến chất lượng nước (nếu có), đảm bảo các tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt hiện hành, tuân thủ các quy định về thủ tục cấp phép ban hành về việc sử dụng điện năng lượng mặt trời.

+ Nghiên cứu, xem xét các công nghệ xử lý nước hiện đại, tối ưu; giải pháp giúp giảm bốc hơi lòng hồ (nếu có).

+ Rà soát, khảo sát cụ thể các điểm cấp nước, hệ thống đường ống (chính, nhánh), đảm bảo hệ thống vận hành thuận lợi, đáp ứng đúng mục tiêu.

+ Xem xét việc thiết kế kiến trúc, mỹ thuật cho các công trình (nhà quản lý, khu xử lý nước sinh hoạt, tường chắn, giàn van,...).

- Về biện pháp thi công: Cần lập chi tiết biện pháp thi công cho các hạng mục công trình phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn trên đảo, tiết kiệm chi phí; lưu ý về địa điểm, loại chất thải quy định của từng bãi đổ thải, cấp đường để lập phương án thi công tối ưu. Xem xét về sự cần thiết của công dẫn dòng kết hợp công xả đáy (nếu cần).

- Xây dựng dự toán hạng mục công trình theo đúng các quy định hiện hành.

- Lưu ý các ý kiến của Tư vấn thẩm tra cho giai đoạn sau thiết kế cơ sở.

- Lập chỉ dẫn kỹ thuật chi tiết cho việc thi công xử lý chông thâm, đập bê tông trọng lực, khu xử lý nước,.... theo đúng các quy định.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cấp quyết định đầu tư, Bộ giao nhiệm vụ:

1.1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư các công trình nêu tại khoản 3 Điều 1, chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành. Chủ đầu tư cần chủ động, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng và các thủ tục khác có liên quan.

1.2. Cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

1.3. Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang:

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện dự án.

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện toàn bộ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, các thủ tục liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế, chuyển đổi đất quốc phòng... để thi công các hạng mục công trình trong phạm vi nguồn vốn bố trí, đảm bảo đáp ứng tiến độ thực hiện Dự án.

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kiên Giang, UBND Thành phố Phú Quốc và các đơn vị liên quan tổ chức quản lý vận hành các công trình sau khi xây dựng hoàn thành, phát huy hiệu quả đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài chính (Vụ ĐT);
- UBND tỉnh Kiên Giang (để p/h);
- Các Vụ: KH, TC;
- Kho bạc NN tỉnh Kiên Giang;
- Sở NN&PTNT tỉnh Kiên Giang;
- Ban QLDA Kiên Giang;
- Lưu: VT, TL. (15b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp